

Số: 1667/QyĐ-ĐHK-T-QLKH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2017

QUY ĐỊNH

Về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017;

Căn cứ Quyết định số 2377/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2014-2017;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giảng viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy định số 1224/QyĐ-ĐHK-T-CHC ngày 27 tháng 4 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Khoa học - Hợp tác Quốc tế,

Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ban hành Quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên của Trường.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định hoạt động nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, bao gồm: các hoạt động nghiên cứu khoa học, định mức nghiên cứu khoa học trong năm, quy định số giờ nghiên cứu khoa học của từng hoạt động.

2. Quy định này áp dụng đối với giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (sau đây được gọi tắt là UEH).

Điều 2. Quy định chung về nghiên cứu khoa học

1. Định mức nghiên cứu khoa học cho giảng viên trong một năm học là 587 giờ (tương ứng với 1/3 quỹ thời gian làm việc trong năm học).

2. Giảng viên đang đảm nhận công tác tại các đơn vị khối quản lý và cán bộ, viên chức không phải là giảng viên không chịu ràng buộc bởi định mức nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, nếu các cá nhân này tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học thì cũng áp dụng Quy định này, trừ các điều khoản liên quan đến định mức nghiên cứu khoa học.

3. Giảng viên được cho là hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học khi thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học được quy đổi theo Quy định này đạt định mức quy định tại Điều 2 mục 1. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm nghiên cứu khoa học cụ thể, tối thiểu là một đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc một báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học khác có mức quy đổi cụ thể theo từng loại hình.

Điều 3. Các hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Giảng viên chủ trì và tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học: bao gồm đề xuất đề tài, viết thuyết minh tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài, chủ nhiệm đề tài, thành viên tham gia quá trình nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu. Xét theo cấp chủ quản và nguồn tài trợ cho nghiên cứu, các đề tài NCKH có thể được phân chia như sau:

- **Đề tài cấp Quốc gia:** Đề tài thuộc Chương trình cấp Nhà nước, đề tài độc lập cấp Nhà nước, đề tài theo Nghị định thư, đề tài do quỹ NAFOSTED tài trợ.

- **Đề tài cấp bộ và tương đương:**

◆ Đề tài cấp bộ: đề tài do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ khác quản lý (trong văn bản này, gọi tắt là cấp bộ); các nhiệm vụ, dự án nghiên cứu - triển khai do Bộ chủ trì;

◆ Đề tài nhánh thuộc chương trình Khoa học - Công nghệ cấp Nhà nước hoặc đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Nhà nước;

◆ Đề tài thuộc Chương trình Khoa học - Công nghệ cấp bộ.

◆ Đề tài hợp tác song phương do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý: đề tài do Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức nghiên cứu hoặc trường đại học nước ngoài đồng tài trợ;

◆ Đề tài hợp đồng với các địa phương (cấp tỉnh/thành) do ngân sách nhà nước tài trợ;

◆ Đề tài, dự án nghiên cứu được tài trợ bởi các tổ chức nghiên cứu hoặc trường đại học nước ngoài, công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp trong nước hoặc các đơn vị khác (không được ngân sách nhà nước tài trợ): có đăng ký và được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp nhận tương đương đề tài cấp Bộ, hoặc có đăng ký và được UEH chấp nhận tương đương đề tài cấp cơ sở.

- **Đề tài cấp Trường** do Hiệu trưởng UEH phê duyệt, bao gồm các loại hình đề tài nghiên cứu cơ sở, đề tài nghiên cứu cơ sở có tính vùng, và đề tài nghiên cứu tình huống.

2. Công bố kết quả nghiên cứu khoa học theo các hình thức sau đây:

- **Bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước:** bài đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước có ISSN.

- *Bài báo khoa học được chấp thuận tại các hội thảo khoa học trong và ngoài nước:* bài tham luận tại các hội thảo khoa học xuất bản kỷ yếu có ISSN hoặc ISBN.

- *Viết và công bố sách phục vụ đào tạo, bao gồm sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn học tập, các nghiên cứu tình huống phục vụ giảng dạy:* có đăng ký và do Hiệu trưởng UEH phê duyệt danh mục; được nghiệm thu và được xuất bản, đưa vào giảng dạy, nghiên cứu.

◆ **Sách chuyên khảo:** Là công trình khoa học trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện về một vấn đề khoa học chuyên ngành của tác giả phù hợp với chuyên ngành giảng dạy, được sử dụng dạy cho đại học, sau đại học. Trong trường hợp sách chuyên khảo được viết từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu thì không cần thẩm định. Trường hợp sách chuyên khảo không được viết dựa trên kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học thì phải có thẩm định của UEH nếu muốn được tính vào hoạt động nghiên cứu khoa học theo Quy định này.

◆ **Tài liệu tham khảo:** Là những tài liệu biên soạn dưới dạng tập bài giảng, tài liệu biên dịch, tài liệu tham khảo dùng cho công tác đào tạo; được UEH phê duyệt và thẩm định, duyệt làm tài liệu tham khảo cho giảng dạy trong trường.

◆ **Tài liệu hướng dẫn:** Là những sách hướng dẫn bài tập, thực hành, giải bài tập mẫu, sổ tay tra cứu chuyên môn, v.v; được Hội đồng Khoa học Khoa/Viện đào tạo thẩm định, duyệt làm tài liệu hướng dẫn cho giảng dạy trong trường.

- *Các hoạt động khoa học khác của UEH:* bao gồm các hoạt động báo cáo hội thảo chuyên đề khoa học cấp Khoa; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải cấp trường, cấp thành phố, cấp Bộ, cấp quốc gia; huấn luyện và hướng dẫn sinh viên, vận động viên UEH thi đấu đạt giải các cấp (chỉ áp dụng đối với giảng viên Ban Giáo dục thể chất).

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ SỐ GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 4. Các trường hợp miễn, giảm định mức nghiên cứu khoa học

Giảng viên thuộc các đối tượng sau đây được miễn, giảm số giờ định mức nghiên cứu khoa học. Định mức cho mỗi đối tượng cụ thể như sau:

Stt	Giảng viên	Định mức
1	Giảng viên tập sự	25% x 587 giờ = 147 giờ
2	Giảng viên mới, năm thứ nhất	50% x 587 giờ = 294 giờ
3	Giảng viên mới, năm thứ hai	85% x 587 giờ = 499 giờ
4	Giảng viên được UEH cử đi học trình độ tiến sĩ:	
	- Thuộc diện học tập trung	0 giờ
	- Thuộc diện học không tập trung	50% x 587 giờ = 294 giờ
	- Trong thời gian học quá hạn (căn cứ theo Quyết định của Hiệu trưởng) không được miễn, giảm định mức NCKH	587 giờ

Stt	Giảng viên	Định mức
5	Giảng viên nữ trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi được giảm định mức NCKH tương ứng với thời gian làm việc được giảm theo Bộ Luật Lao động hiện hành (<i>60 phút mỗi ngày làm việc</i>). Định mức NCKH được giảm là 73 giờ (= 1giờ/ngày x 5 ngày/tuần x 44 tuần x 1/3)	587 giờ - 73 giờ = 514 giờ
6	Giảng viên đang đảm nhận công tác quản lý tại các đơn vị đào tạo	
	- Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa và tương đương	
	◆ Khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có 800 sinh viên trở lên	
	▪ Trưởng khoa	70% x 587 giờ = 411 giờ
	▪ Phó Trưởng khoa	75% x 587 giờ = 440 giờ
	◆ Khoa có dưới 40 giảng viên và có dưới 800 sinh viên	
	▪ Trưởng khoa	75% x 587 giờ = 440 giờ
	▪ Phó Trưởng khoa	80% x 587 giờ = 470 giờ
	- Trưởng bộ môn, Phó Trưởng bộ môn	
	◆ Trưởng bộ môn	80% x 587 giờ = 470 giờ
◆ Phó Trưởng bộ môn	85% x 587 giờ = 499 giờ	
7	Giảng viên Ban Giáo dục thể chất	33% x 587 giờ = 196 giờ
	Giảng viên Ban Giáo dục thể chất thuộc các trường hợp 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Điều này: áp dụng định mức 196 giờ với tỉ lệ miễn, giảm tương ứng. Các hình thức nghiên cứu khoa học: huấn luyện và hướng dẫn sinh viên, vận động viên UEH thi đấu đạt giải các cấp. Quy đổi: 1 giờ huấn luyện = 2 giờ NCKH. Kết quả sẽ được nhân hệ số tùy theo cấp độ của giải.	
8	Giảng viên trong thời gian nghỉ thai sản, chữa bệnh dài ngày được miễn, giảm định mức nghiên cứu khoa học theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội (căn cứ Quyết định có liên quan của Hiệu trưởng).	
9	Giảng viên nữ có con nhỏ được giảm trừ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo tỷ lệ tương ứng với thời gian làm việc được giảm trừ theo Bộ luật Lao động hiện hành.	
10	Giảng viên chuyển đổi sang giảng dạy môn học mới được miễn, giảm định mức nghiên cứu khoa học theo Quyết định có liên quan của Hiệu trưởng.	
11	Các trường hợp miễn, giảm khác căn cứ theo Quyết định có liên quan của Hiệu trưởng.	

Điều 5. Quy định số giờ nghiên cứu khoa học đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học, và minh chứng kê khai nghiên cứu khoa học

Số giờ nghiên cứu khoa học cho mỗi hoạt động nghiên cứu khoa học và yêu cầu minh chứng cụ thể như sau:

Stt	Các hoạt động nghiên cứu khoa học	Số giờ	Minh chứng
1	Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học		
1.1.	Hoàn thành đề tài cấp Nhà nước	6.000 giờ/đề tài	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng - Báo cáo khoa học của đề tài / tình huống được dùng cho giảng dạy - Biên bản nghiệm thu: đề tài đạt từ trung bình trở lên - Bản thanh lý hợp đồng
1.2.	Hoàn thành đề tài Nafosted	3.000 giờ/đề tài	
1.3.	Hoàn thành đề tài cấp bộ và tương đương	1.800 giờ/đề tài	
1.4.	Hoàn thành đề tài cấp Trường	600 giờ/đề tài	
1.5.	Hoàn thành đề tài cấp Trường, quy mô vùng	1.200 giờ/đề tài	
1.6.	Hoàn thành đề tài phát triển nghiên cứu tình huống mới (tình huống lớn)	600 giờ/tình huống	
1.7.	Hoàn thành đề tài phát triển nghiên cứu tình huống mới (tình huống nhỏ)	150 giờ/tình huống	
1.8.	Đề xuất tên đề tài cấp Quốc gia, cấp bộ và tương đương (trong danh mục đề xuất của Trường, đề xuất này được đơn vị chủ quản đưa vào danh mục tuyển chọn chủ trì đề tài)	100 giờ/đề xuất cấp Quốc gia 50 giờ/đề xuất cấp Bộ và tương đương	<ul style="list-style-type: none"> - Bản đề xuất của cá nhân - Danh mục đề tài của đơn vị chủ quản
1.9.	Thuyết minh đề tài cấp Quốc gia, cấp bộ (được Trường gửi tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài)	600 giờ/đề tài cấp Quốc gia 300 giờ/đề tài cấp Bộ	- Thuyết minh tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài
1.10.	Đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên đạt giải thưởng ¹	200 giờ/đề tài ²	- Quyết định của Ban tổ chức giải thưởng
1.11.	Hướng dẫn NCKH sinh viên đạt giải cấp trường ³	100 giờ/đề tài	<ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận đề tài đạt giải của Ban tổ chức giải thưởng
1.12.	Hướng dẫn NCKH sinh viên đạt giải cấp Thành phố/Bộ ³	200 giờ/đề tài	
1.13.	Hướng dẫn NCKH sinh viên đạt giải cấp quốc gia ³	300 giờ/đề tài	
2	Công bố kết quả nghiên cứu		
2.1.	Bài đăng tạp chí ISI, hoặc đạt Scopus Q1, ABS bậc 4, ABDC hạng A, A*	6.000 giờ/bài	- Bài đăng trên Tạp chí (online, print)
2.2.	Bài đăng tạp chí đạt Scopus Q2, ABS bậc 2-3, ABDC hạng B	4.000 giờ/bài	- Bìa & Mục lục Kỷ yếu Hội thảo hoặc

¹ Giải thưởng Khoa học và Công nghệ dành cho giảng viên trẻ trong các cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các giải thưởng NCKH khác của các bộ hoặc tỉnh/thành phố thuộc TW

² Được tính 200 giờ NCKH vào năm đạt giải thưởng

³ Trong trường hợp đề tài được nhiều giải thưởng trong cùng một năm, chỉ tính giờ NCKH tương ứng với mức giải thưởng cao nhất.

Stt	Các hoạt động nghiên cứu khoa học	Số giờ	Minh chứng
2.3.	Bài đăng tạp chí đạt Scopus Q3, ABS bậc 1	3.000 giờ/bài	địa chỉ website công bố bài tham luận
2.4.	Bài đăng tạp chí đạt Scopus Q4, ABDC hạng C	2.000 giờ/bài	
2.5.	Bài Hội thảo đăng Kỷ yếu khoa học quốc tế được các nhà xuất bản khoa học công bố, dưới dạng book chapter hoặc bài báo khoa học, có ISSN hoặc ISBN và có thứ hạng Scopus	2.000 giờ/bài	
2.6.	Bài đăng tạp chí quốc tế (có ISSN) chưa đạt tiêu chuẩn mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 trên đây	1.200 giờ/bài	
2.7.	Tạp chí trong nước thuộc danh mục tạp chí được HĐCDGSNN chấp nhận: - Tạp chí 01 điểm - Các tạp chí khác	1.200 giờ cho bài tiếng Anh và 900 giờ cho bài tiếng Việt 450 giờ/bài	
2.8.	Bài đăng trên tạp chí khoa học không thuộc danh mục tạp chí thuộc HĐCDGSNN chấp nhận, có ISSN	300 giờ/bài	
2.9.	Bài tham luận tại hội thảo khoa học:		
	- Bài đăng trong Kỷ yếu Hội thảo trong nước được xuất bản, hoặc được công bố toàn văn trên website của đơn vị tổ chức hội thảo và có ISSN hoặc ISBN	400 giờ/bài	- Bìa & Mục lục Kỷ yếu Hội thảo hoặc địa chỉ website công bố bài tham luận
	- Không xuất bản kỷ yếu nhưng có công bố tóm tắt bài tham luận trên website của đơn vị tổ chức	200 giờ/bài	- Địa chỉ website công bố bài tham luận
	- Trường hợp khác (không xuất bản kỷ yếu và không công bố bài tham luận trên website của đơn vị tổ chức)	100 giờ/bài	- Mục lục tài liệu Hội thảo và bài tham luận
	Bài hội thảo khoa học của giảng viên tại Hội thảo Khoa học khoa	200 giờ/bài	- Xác nhận của Trưởng Khoa - Tập Kỷ yếu hội thảo cấp Khoa hàng năm

Stt	Các hoạt động nghiên cứu khoa học	Số giờ	Minh chứng
2.10.	Xuất bản sách phục vụ đào tạo, bao gồm chuyên khảo, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn thuộc các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu của UEH		
	- Sách chuyên khảo	Tối đa 3.000 giờ/đầu sách	- Văn bản đăng ký yêu cầu thẩm định - Sản phẩm ấn phẩm - Biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định chuyên môn do UEH thành lập - Số giờ tùy theo mức độ chuyên sâu và dung lượng của tài liệu, do Hội đồng nghiệm thu quyết định
	- Tài liệu tham khảo	200 giờ/tín chỉ	- Có đăng ký và được UEH đồng ý cho viết tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn
	- Tài liệu hướng dẫn	150 giờ/tín chỉ	
	- Xây dựng Phương pháp giảng dạy được Hội đồng Khoa học Khoa thông qua (chỉ áp dụng cho Khoa Ngoại ngữ Kinh tế)	50 giờ/phương pháp	- Xác nhận sử dụng của Hội đồng Khoa học Khoa/Viện đào tạo cấp

Điều 6. Phân chia số giờ nghiên cứu khoa học cho nhóm tác giả

Nếu hoạt động nghiên cứu khoa học do nhóm tác giả thực hiện, số giờ nghiên cứu khoa học tương ứng với hoạt động đó được phân chia như sau⁴:

- Đối với đề tài: nếu nhóm tác giả gồm 2 người, chủ nhiệm được 2/3 số giờ, thành viên còn lại được 1/3 số giờ; nếu nhóm tác giả gồm 3 người, chủ nhiệm được 1/2 số giờ, 1/2 số giờ chia đều cho 2 thành viên khác; nếu nhóm tác giả trên 3 người: chủ nhiệm đề tài được 1/3 số giờ, 2/3 số giờ chia đều cho các thành viên khác.

- Đối với bài báo khoa học: nếu có nhiều tác giả thì chia đều tổng số giờ nghiên cứu cho các tác giả.

- Đối với sách phục vụ đào tạo: chủ biên được 1/5 tổng số giờ nghiên cứu; các đồng tác giả chia 4/5 tổng số giờ nghiên cứu theo giá trị đóng góp (kể cả chủ biên nếu có tham

⁴ Đối với bài báo khoa học và sách phục vụ đào tạo: căn cứ theo quy định của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước, năm 2016

gia viết). Chủ biên có văn bản chính thức có chữ ký xác nhận của toàn bộ nhóm tác giả về thỏa thuận chia 4/5 tổng số giờ nghiên cứu theo giá trị đóng góp gửi cho Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế sau khi công trình được nghiệm thu.

Điều 7. Thời điểm tính giờ nghiên cứu khoa học và bảo lưu số giờ nghiên cứu khoa học

1. Thời điểm tính giờ nghiên cứu khoa học: hoạt động nghiên cứu khoa học được tính giờ nghiên cứu khoa học trong năm hoàn thành (nghiệm thu/công bố kết quả nghiên cứu/thanh lý hợp đồng).

Đối với đề tài nghiên cứu khoa học không hoàn thành, giờ nghiên cứu khoa học được tính theo tỉ lệ thực hiện căn cứ vào thuyết minh đề cương, hợp đồng nghiên cứu và biên bản nghiệm thu. Tỷ lệ này do hội đồng nghiệm thu đánh giá và xác định.

2. Bảo lưu số giờ nghiên cứu khoa học vượt định mức: Số giờ hoạt động nghiên cứu khoa học vượt định mức được bảo lưu tối đa ba (03) năm tiếp theo năm hoàn thành, cụ thể như sau:

- 03 năm đối với công bố quốc tế hoặc đề tài cấp nhà nước
- 02 năm đối với: đề tài cấp bộ/tương đương, xuất bản sách chuyên khảo
- 01 năm đối với các trường hợp:
 - ◆ đề tài cấp Trường các loại;
 - ◆ bài đăng trên tạp chí trong nước (tạp chí được HĐCDGSNN chấp nhận);
 - ◆ bài đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học được xuất bản, bài được công bố toàn văn trên website của đơn vị tổ chức hội thảo có ISBN
 - ◆ tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn phục vụ học tập
- Các hoạt động khoa học khác hoàn thành năm nào tính được tính giờ nghiên cứu khoa học cho năm đó, không bảo lưu cho các năm sau.

Điều 8. Quy đổi định mức giờ giảng và giờ nghiên cứu khoa học

1. Cách thức quy đổi giữa giờ giảng và giờ nghiên cứu khoa học được thực hiện theo Điều 2, Phụ lục 3, Quy chế Chi tiêu nội bộ ban hành theo Quyết định số 1017/QĐ-ĐHKT-TCHC-TCKT ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh quy định về cách thức phân phối thu nhập khối giảng dạy.

2. Tỷ lệ quy đổi: 2 giờ nghiên cứu khoa học = 1 giờ chuẩn giảng dạy.

Số giờ nghiên cứu khoa học vượt định mức trong năm đã được quy đổi thành số giờ chuẩn giảng dạy không được bảo lưu sang các năm sau.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản áp dụng

1. Giảng viên nghiên cứu khoa học vượt định mức được hưởng chế độ làm việc vượt định mức theo các quy định hiện hành.

2. Giảng viên được hưởng nhiều mức miễn, giảm định mức giờ nghiên cứu khoa học thì áp dụng mức miễn, giảm nhiều nhất.

3. Sau khi quy đổi giờ giảng vượt định mức thành giờ nghiên cứu khoa học mà giảng viên vẫn không hoàn thành định mức giờ nghiên cứu khoa học thì sẽ chịu chế tài theo các quy định hiện hành.

Điều 10. Kế khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và thống kê giờ nghiên cứu khoa học

Đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học do UEH tổ chức hoặc chủ trì, Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm tổng hợp và tính giờ nghiên cứu khoa học cho giảng viên.

Đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học do khoa hoặc các đơn vị ngoài UEH tổ chức, giảng viên kê khai kèm theo minh chứng được quy định tại Điều 5 của Quy định này. Thời điểm kê khai: liên tục trong năm, ngay sau khi hoàn thành các công trình nghiên cứu khoa học cho đến ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế phối hợp với Phòng Công nghệ thông tin xây dựng, vận hành, và hướng dẫn giảng viên sử dụng phần mềm Hệ thống quản lý số giờ nghiên cứu khoa học cho giảng viên kê khai trực tuyến để đối chiếu, kiểm tra trước khi làm căn cứ tính điểm thi đua, khen thưởng hoặc trừ thu nhập.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2017, thay thế Quyết định 1397/QĐ-ĐHKH-QLKH ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ban hành “Quy định về Nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh”.

2. Số giờ nghiên cứu khoa học chuyển sang năm 2017 từ các năm trước được bảo lưu theo Điều 7 của Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị gợi ý kiến về Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.

4. Các Trưởng đơn vị, cá nhân liên quan và toàn thể giảng viên chịu trách nhiệm thi hành quy định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT;
- Các đơn vị thuộc UEH;
- Toàn thể giảng viên;
- Portal UEH;
- Lưu: VT, QLKH.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Đông Phong